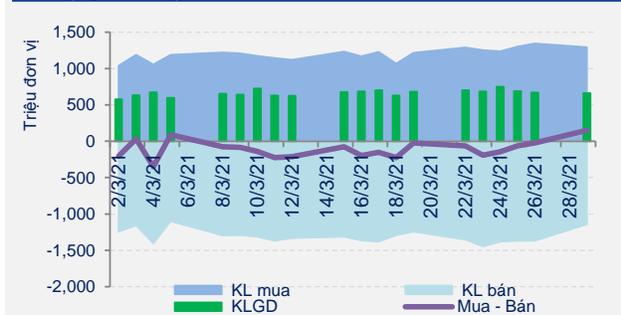
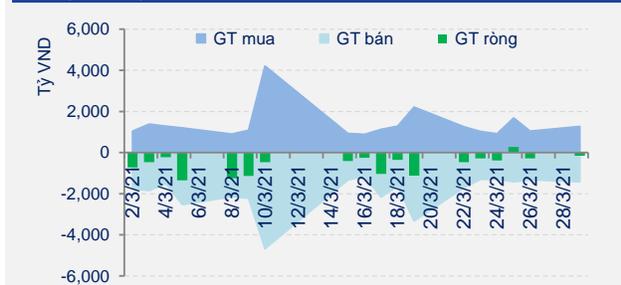


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2021

| Thống kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,175.68      | 276.16      |
| % Thay đổi          | ↑ 1.16%       | ↑ 1.92%     |
| KLGD (CP)           | 660,949,737   | 178,219,879 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 14,509.92     | 2,719.22    |
| Tổng cung (CP)      | 1,143,610,300 | 212,663,600 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,294,698,600 | 225,552,600 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 34,567,400 | 1,543,103 |
| KL mua (CP)       | 34,944,000 | 607,006   |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,266.83   | 11.74     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,422.41   | 31.60     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (155.58)   | (19.86)   |

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD  |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 1.98%    | 16.6 | 2.8 | 1.5%   |
| Công nghiệp         | ↑ 1.49%    | 18.0 | 2.6 | 11.6%  |
| Dầu khí             | ↓ -0.45%   | -    | 2.0 | 2.3%   |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↑ 1.19%    | -    | 5.2 | 3.0%   |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 1.06%    | 15.1 | 2.4 | 0.3%   |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 1.22%    | 17.7 | 4.3 | 9.5%   |
| Ngân hàng           | ↑ 1.59%    | 11.5 | 2.2 | 33.0%  |
| Nguyên vật liệu     | ↑ 1.25%    | 16.7 | 2.2 | 11.7%  |
| Tài chính           | ↑ 0.81%    | 19.3 | 3.2 | 25.5%  |
| Tiền ịch Cộng đồng  | ↑ 0.84%    | 15.2 | 2.4 | 1.7%   |
| VN - Index          | ↑ 1.16%    | 18.0 | 2.8 | 102.0% |
| HNX - Index         | ↑ 1.92%    | 18.0 | 4.1 | -2.0%  |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 13,47 điểm (+1,16%) lên 1.175,68 điểm; HNX-Index tăng 5,20 điểm (+1,92%) lên 276,16 điểm. Thanh khoản trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước với giá trị giao dịch đạt 17.229 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 839 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 2.525 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 532 mã tăng, 100 mã tham chiếu, 154 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến khi hết phiên. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá dẫn dắt thị trường, cụ thể như CTG (+2,4%), VPB (+2,5%), VCB (+0,4%), MBB (+2,7%), SSB (+6,9%), BID (+1,1%), ACB (+1,7%), TPB (+2,6%)... Đáng chú ý, SSB đã có phiên tăng trần thứ 4 liên tiếp kể từ khi chào sàn, trong khi đó, cổ phiếu SHB cũng có phiên tăng trần thứ 2 liên tiếp. Nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ hiệp định EVFTA như ngành gỗ và ngành dệt may đã có một phiên giao dịch tích cực với hàng loạt các mã tăng trần, cụ thể PTB (+6,9%), TTF (+6,9%), GDT (+6,8%), GTA (+6,8%), TCM (+7,0%), STK (+6,8%),... Nhóm cổ phiếu đầu cơ với thanh khoản lớn cũng có một phiên bùng nổ với FLC (+6,8%), ROS (+7,0%), HQC (+6,7%), DLG (+7,0%), HAG (+6,8%), AMD (+6,8%), SJF (+6,8%), HAI (+6,7%), TSC (+6,9%)...

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chỉ số VN-Index sau khi bật tăng trở lại trong phiên cuối tuần trước tiếp tục tăng điểm kiểm tra lại vùng kháng cự quanh mốc 1.180 điểm. Như vậy VNINDEX tiếp tục duy trì xu hướng tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.200 điểm trong 05 tuần liên tiếp. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target quanh 1.250 điểm. Trong phiên tiếp theo VN-Index khả năng tiếp tục tăng điểm để kiểm định lại vùng kháng cự gần nhất quanh 1.180 điểm (MA20). Nhà đầu tư trung hạn đã mua vào trước Tết có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng tăng 5 sẽ tiếp tục trong thời gian tới. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào trong phiên 9/3, 10/3, 18/3 khi thị trường test ngưỡng hỗ trợ MA20 nếu chưa chốt lời trong phiên 18/3 và 22/3 có thể chờ đợi những nhịp thị trường test ngưỡng 1.200 điểm để chốt lời. Những nhà đầu tư mua vào trong phiên 23/3 khi thị trường điều chỉnh về hỗ trợ MA20 và trong phiên 24/3, 25/3 khi thị trường chỉnh về MA50 tiếp tục quan sát và có thể canh mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ 1.155 điểm (MA50)

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên bất chấp áp lực chốt lời có lúc gia tăng mạnh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.175,77 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 13,47 điểm (+1,16%) lên 1.175,68 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: CTG tăng 950 đồng, VNM tăng 1.600 đồng, VPB tăng 1.100 đồng. Ở chiều ngược lại, PLX giảm 300 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm nhẹ trong phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 269,83 điểm. Nhưng từ cuối phiên sáng, việc SHB tăng kịch trần đã giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được duy trì cho đến hết phiên. Kết phiên, chỉ số HNX-Index đóng cửa cao nhất với mức tăng 5,20 điểm (+1,92%) lên 276,16 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 1.900 đồng, NVB tăng 400 đồng, HUT tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 200 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 155,6 tỷ đồng, tuy nhiên lại mua ròng về khối lượng với 376,6 nghìn cổ phiếu. KDH là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 175,3 tỷ đồng tương ứng với 5,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VCB với 157,1 tỷ đồng tương ứng với hơn 1,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với gần 164,3 tỷ đồng tương ứng với gần 1,5 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 19,9 tỷ đồng, tương ứng bán ròng về khối lượng với 936 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 21,96 tỷ đồng tương ứng với 968 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là GLT với 2,7 tỷ đồng tương ứng với 118 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,74 tỷ đồng tương ứng với 27,7 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

### GDP quý I tăng 4,48%

Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn nền kinh tế ước đạt 4,48% trong quý I/2021, cao hơn 0,8 điểm phần trăm so với quý I năm ngoái.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index trong phiên đầu tuần phục hồi tốt kiểm tra lại vùng giá trung bình ngắn hạn 1175+\_, là vùng giá trung bình của kênh tích lũy 1150+\_1200+\_ kéo dài 05 tuần liên tiếp tính từ 18/02/2021. Khối lượng giao dịch VNINDEX giảm -5,98% so với phiên trước do khá nhiều mã phục hồi kém với thanh khoản suy giảm sau khi điều chỉnh mạnh. Xu hướng ngắn hạn duy trì tích lũy với lực cầu ngắn hạn chỉ gia tăng mạnh hơn khi VNINDEX vượt được vùng giá 1175+\_ và duy trì trong 03-04 phiên liên tiếp. Góc nhìn về phân tích kỹ thuật vẫn là kịch bản sóng Elliott đã lập ra trước đó với việc sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3). Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì thị trường vẫn có khả năng sẽ vượt đỉnh lịch sử trong năm 2021 với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Xu hướng trung hạn tiếp tục được đánh giá là tích cực với việc thị trường đang nằm trong sóng tăng 5 và chưa có dấu hiệu kết thúc (sóng tăng 5 chỉ xác nhận là kết thúc khi nó đạt đến target quanh 1.250 điểm vào nửa đầu tháng 4/2021 hoặc điều chỉnh thủng ngưỡng 1.000 điểm - đáy của sóng điều chỉnh 4). Trong phiên giao dịch tiếp theo dự kiến VNINDEX sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 1178+\_ tương ứng MA20 daily với sự phân hóa mạnh của nhiều mã và duy trì tích lũy chờ chốt NAV quý I/2021.



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước giảm**

Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 54,80 - 55,20 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 600.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

**Tỷ giá trung tâm giảm 1 đồng**

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 29/03 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.231 VND/USD, giảm 1 đồng so với ngày 27/03.

## TIN THẾ GIỚI

**Giá vàng thế giới giảm**

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,77 USD/ounce tương ứng với 0,22% xuống 1.725,13 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng**

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,043 điểm tương ứng 0,05% lên 92,809 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1766 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3790 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,66 JPY.

**Giá dầu thế giới tăng**

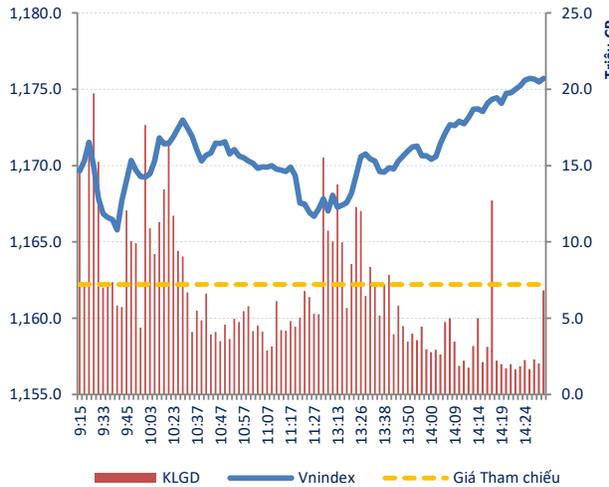
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô WTI tăng 2,41 USD tương ứng 3,95% lên 60,97 USD/thùng. Giá dầu Brent tăng 2,62 USD tương ứng 4,06% lên 64,57 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ tăng điểm**

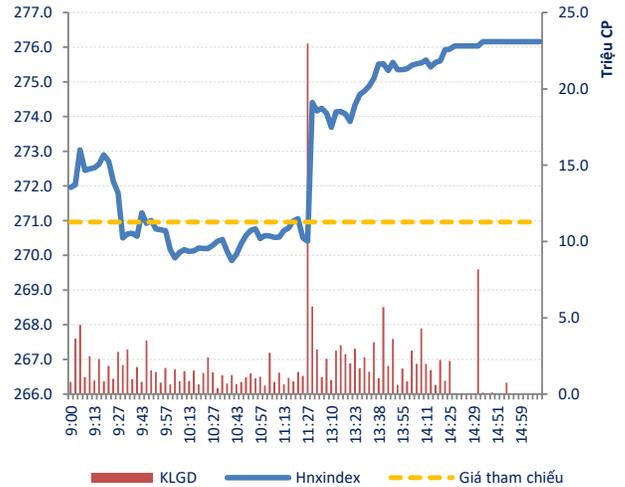
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, chỉ số Dow Jones tăng 453,40 điểm (tương đương 1,4%) lên 33.072,88 điểm. Chỉ số S&P 500 tăng 1,7% lên 3.974,54 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite tăng 1,2% lên 13.138,72 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



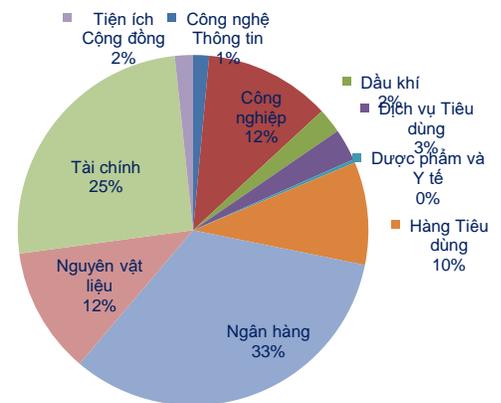
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



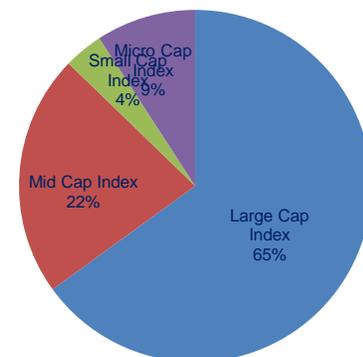
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK    | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1  | GEX      | 3,503,900   | KDH   | 5,945,000   |
| 2  | VIC      | 1,493,700   | VCB   | 1,648,500   |
| 3  | E1VFN30  | 1,226,100   | FLC   | 1,532,600   |
| 4  | FUEVFVND | 1,086,300   | HPG   | 1,419,800   |
| 5  | MBB      | 1,073,200   | CTG   | 860,100     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | SHS   | 55,000      | PVS   | 968,300     |
| 2  | DST   | 53,000      | GLT   | 118,000     |
| 3  | NVB   | 41,700      | PMB   | 43,000      |
| 4  | PGN   | 32,100      | ART   | 42,800      |
| 5  | MPT   | 30,000      | SHB   | 31,077      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD       |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| FLC | 11.05      | 11.80    | ↑ 6.79% | 37,992,700 |
| STB | 18.95      | 19.20    | ↑ 1.32% | 37,025,400 |
| ROS | 4.16       | 4.45     | ↑ 6.97% | 33,769,000 |
| HAG | 5.13       | 5.48     | ↑ 6.82% | 24,777,800 |
| HQC | 2.99       | 3.19     | ↑ 6.69% | 20,514,000 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD       |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| SHB | 19.50      | 21.40    | ↑ 9.74% | 55,883,536 |
| HUT | 6.10       | 6.70     | ↑ 9.84% | 23,823,804 |
| KLF | 3.70       | 4.00     | ↑ 8.11% | 13,382,315 |
| SHS | 28.00      | 28.20    | ↑ 0.71% | 9,397,842  |
| ART | 7.50       | 8.20     | ↑ 9.33% | 7,141,704  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| TNT | 5.00       | 5.35     | 0.35 | ↑ 7.00% |
| TCM | 100.00     | 107.00   | 7.00 | ↑ 7.00% |
| SHI | 13.60      | 14.55    | 0.95 | ↑ 6.99% |
| MCG | 3.01       | 3.22     | 0.21 | ↑ 6.98% |
| ROS | 4.16       | 4.45     | 0.29 | ↑ 6.97% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| QHD | 31.00      | 34.10    | 3.10 | ↑ 10.00% |
| SVN | 5.00       | 5.50     | 0.50 | ↑ 10.00% |
| KDM | 7.00       | 7.70     | 0.70 | ↑ 10.00% |
| GDW | 28.10      | 30.90    | 2.80 | ↑ 9.96%  |
| KTS | 17.10      | 18.80    | 1.70 | ↑ 9.94%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| HAP | 17.90      | 16.65    | -1.25 | ↓ -6.98% |
| TTE | 11.50      | 10.70    | -0.80 | ↓ -6.96% |
| CMV | 18.00      | 16.75    | -1.25 | ↓ -6.94% |
| SC5 | 23.35      | 21.75    | -1.60 | ↓ -6.85% |
| DTT | 13.50      | 12.60    | -0.90 | ↓ -6.67% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| TPH | 11.20      | 10.00    | -1.20 | ↓ -10.71% |
| VNT | 80.10      | 72.10    | -8.00 | ↓ -9.99%  |
| VE4 | 24.30      | 21.90    | -2.40 | ↓ -9.88%  |
| HTC | 35.00      | 31.80    | -3.20 | ↓ -9.14%  |
| INC | 11.00      | 10.00    | -1.00 | ↓ -9.09%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS     | P/E     | P/B |
|-----|------------|---------|---------|---------|-----|
| FLC | 37,992,700 | 1.3%    | 225     | 49.1    | 0.6 |
| STB | 37,025,400 | 3250.0% | 1,487   | 12.7    | 1.2 |
| ROS | 33,769,000 | 0.0%    | 4       | 1,164.7 | 0.4 |
| HAG | 24,777,800 | -9.1%   | (1,295) | -       | 0.5 |
| HQC | 20,514,000 | 0.2%    | 20      | 148.5   | 0.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHB | 55,883,536 | 12.3% | 1,552 | 12.6  | 1.4 |
| HUT | 23,823,804 | -7.6% | (875) | -     | 0.6 |
| KLF | 13,382,315 | 0.1%  | 13    | 290.5 | 0.4 |
| SHS | 9,397,842  | 25.5% | 3,639 | 7.7   | 1.8 |
| ART | 7,141,704  | 0.1%  | 16    | 463.3 | 0.6 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E     | P/B |
|-----|--------|-------|-------|---------|-----|
| TNT | ↑ 7.0% | -1.0% | (105) | -       | 0.5 |
| TCM | ↑ 7.0% | 18.0% | 4,435 | 22.6    | 3.8 |
| SHI | ↑ 7.0% | 3.5%  | 487   | 27.9    | 1.0 |
| MCG | ↑ 7.0% | -0.3% | (20)  | -       | 0.6 |
| ROS | ↑ 7.0% | 0.0%  | 4     | 1,164.7 | 0.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E     | P/B |
|-----|---------|-------|-------|---------|-----|
| QHD | ↑ 10.0% | 32.9% | 5,497 | 5.6     | 1.6 |
| SVN | ↑ 10.0% | 0.0%  | 2     | 2,425.6 | 0.5 |
| KDM | ↑ 10.0% | 2.5%  | 275   | 25.4    | 0.7 |
| GDW | ↑ 10.0% | 11.6% | 1,964 | 14.3    | 1.6 |
| KTS | ↑ 9.9%  | 0.9%  | 285   | 59.9    | 0.5 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã     | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|--------|-----------|-------|-------|------|-----|
| GEX    | 3,503,900 | 9.4%  | 1,660 | 13.5 | 1.3 |
| VIC    | 1,493,700 | 4.0%  | 1,488 | 75.5 | 2.8 |
| 1VFVN3 | 1,226,100 | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| UEVFN  | 1,086,300 | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| MBB    | 1,073,200 | 18.4% | 2,985 | 9.2  | 1.5 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua | ROE   | EPS   | P/E     | P/B |
|-----|--------|-------|-------|---------|-----|
| SHS | 55,000 | 25.5% | 3,639 | 7.7     | 1.8 |
| DST | 53,000 | 1.6%  | 168   | 26.8    | 0.5 |
| NVB | 41,700 | 0.0%  | 3     | 4,900.4 | 1.4 |
| PGN | 32,100 | 22.8% | 2,701 | 6.1     | 1.1 |
| MPT | 30,000 | -0.6% | (68)  | -       | 0.3 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 380,185 | 4.0%  | 1,488 | 75.5 | 2.8 |
| VCB | 351,972 | 20.5% | 4,974 | 19.1 | 3.6 |
| VHM | 314,806 | 36.1% | 8,463 | 11.3 | 3.5 |
| VNM | 203,562 | 35.0% | 5,313 | 18.3 | 6.0 |
| GAS | 170,724 | 15.8% | 4,081 | 21.9 | 3.5 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B  |
|-----|---------|-------|-------|------|------|
| THD | 68,810  | 61.8% | 8,487 | 23.2 | 13.0 |
| SHB | 34,135  | 12.3% | 1,552 | 12.6 | 1.4  |
| BAB | 20,688  | 7.3%  | 839   | 34.8 | 2.5  |
| VCS | 15,440  | 39.1% | 9,070 | 10.6 | 4.0  |
| IDC | 11,280  | 7.0%  | 1,005 | 37.4 | 2.6  |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE  | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|------|-------|------|-----|
| AGR | 2.39 | 4.8% | 458   | 24.5 | 1.1 |
| EVG | 2.37 | 2.7% | 283   | 39.6 | 1.0 |
| BSI | 2.36 | 8.9% | 1,047 | 13.6 | 1.2 |
| CTS | 2.24 | 9.3% | 1,205 | 13.0 | 1.2 |
| SBT | 2.21 | 7.0% | 892   | 24.7 | 1.8 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E     | P/B |
|-----|------|-------|-------|---------|-----|
| VIG | 2.93 | -2.0% | (113) | -       | 0.9 |
| WSS | 2.69 | 2.0%  | 206   | 29.1    | 0.6 |
| LUT | 2.45 | 0.0%  | 5     | 1,317.9 | 0.6 |
| TDT | 2.44 | 9.7%  | 1,127 | 12.0    | 1.1 |
| PSI | 2.18 | 1.1%  | 114   | 63.1    | 0.7 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung  
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779

---